

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa:

* *Nguyên đơn*: : Chị Lê Thị A, sinh ngày 18/10/1988;

Số căn cước công dân: 038188027443; cấp ngày 11/6/2023.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn 14, xã Th, huyện V (nay là thôn 14, xã B), tỉnh Thanh Hóa;

* *Bị đơn*: Anh Hà Văn M, sinh ngày 15/5/1988;

Số căn cước công dân: 038088008735; Cấp ngày 10/01/2025.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Thôn 14, xã Th, huyện V (nay là thôn 14, xã B), tỉnh Thanh Hóa;

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/7/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, chị Lê Thị A và bị đơn, anh Hà Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị A và anh Hà Văn M đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

* *Về con chung*: Chị Lê Thị A và anh Hà Văn M đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Hà Đức L (Giới tính; Nam), sinh ngày 03/01/2018; Hiện nay cháu phát triển bình về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Chị Lê Thị A và anh Hà Văn M đều có ý kiến chung thống nhất: Giao cháu Hà Đức L cho chị Lê Thị A (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hà Đức L thành niên (đủ 18 tuổi); anh Hà Văn M chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hà Văn M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản anh Mạnh thực hiện quyền này.

Chị Lê Thị A và anh Hà Văn M đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác*: Chị Lê Thị A và anh Hà Văn M đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí*: Chị Lê Thị A và anh Hà Văn M đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; Chị Lê Thị A chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng chị A đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/25, số 0001451, ngày 03/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị Lê Thị A 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Anh Hà Văn M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn